TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- *T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi; Bà Nguyễn Thị Vân.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

*/ *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/5/1987; CCCD: 001187018811, do Cục trưởng cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 25/4/2021

*/ *Bị đơn*: Anh Lê Mỹ T1, sinh ngày 01/01/1978; CCCD: 001078012449, do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 10/11/2016.

Đều HKTT: xóm CH, thôn LT, xã PS, TP. Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày: chị và anh Lê Mỹ T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BX, huyện MD (nay là xã PS), T2 phố Hà Nội năm 2009. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu

thuẫn căng thẳng, nguyên nhân là do anh T1 là người nghiện ma tuý, đã từng có tiền án về tội ma tuý, đi chấp hành án về nhưng vẫn không tu chí làm ăn, ham chơi bời, tụ tập bạn bè, không quan tâm gì đến vợ con và gia đình. Chị nghĩ vì thương con nên cố gắng nhẫn nhịn và cùng người thân của anh T1 khuyên nhủ giúp anh T1 cai nghiện được ma tuý nhưng không được. Có thời gian anh trai anh T1 và anh phải nhốt anh T1 trong nhà để cai nghiện ma tuý nhưng không T2. Do anh T1 không đỡ đần anh việc gì, mọi việc trong gia đình đều do một mình chị cáng đáng, bố mẹ chồng chị thì đã chết từ năm 2016 nên để có tiền nuôi con ăn học chị đành phải gửi con nhỏ ở nhờ ông bà ngoại chăm sóc giúp, gửi con lớn ở nhà anh trai anh T1 nhờ chăm sóc giúp, còn chị đi làm xa gửi tiền về, thỉnh thoảng về thăm con; anh T1 cũng đi suốt ngày, không quan tâm gì đến con. Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh T1 nữa, chị không muốn tiếp tục cuộc sống như này nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh T1 để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: anh chị có 02 con chung: Lê Mỹ T2, sinh ngày 05/8/2010 và Lê Minh Ng, sinh ngày 03/5/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Trường hợp anh T1 dành quyền nuôi con, để các cháu không phải chia rẽ chị cũng đành chấp nhận để anh T1 nuôi cả hai con. Nhưng chị vẫn tha thiết được nuôi con hơn bởi chị biết anh T1 không thể chăm sóc con tốt được.

Hiện nay chị đang làm trị liệu Đông y ở nội T2 Hà Nội, thu nhập bình quân của chị là 18.000.000đồng/tháng. Do là lao động tự do nên chị không có giấy tờ chứng minh thu nhập để nộp cho Toà án. Còn anh T1 nghiện ngập, không có công việc ổn định.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Mỹ T1: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Lê Mỹ T2 là anh trai của anh T1 trình bày: anh là anh trai của Lê Mỹ T1. Về mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T1 cụ thể như nào anh không nắm rõ, nhưng anh biết phần nhiều do lỗi của em trai anh. Chị T đã không còn chung sống với anh T1 khoảng 2 năm nay, chị T gửi con lớn ở nhà anh chăm sóc, gửi con bé nhờ ông bà ngoại chăm sóc, còn chị T đi làm kiếm tiền nuôi con. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T1, quan điểm anh đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết. Chị T và anh T1 có 02 con chung: Lê Mỹ T2, sinh ngày 05/8/2010 và Lê Minh Ng, sinh ngày 03/5/2019. Trường hợp Toà án giải quyết ly hôn, theo anh để đảm bảo tốt nhất cho các cháu thì Toà án cứ giao cả

hai con chung cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Nếu chị T tiếp tục gửi nhờ gia đình anh chăm sóc thì anh vẫn nhận. Anh T1 – em trai anh, lao động tự do, đi làm tối mới về nhà, có hôm không về, nhưng anh T1 làm ở đâu cụ thể thì anh không biết. Anh đã thông báo cho anh T1 biết về việc chị T nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, nhưng vì công việc bận, lại ở xa nên anh T1 xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án, xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Tòa cứ giải quyết theo pháp luật. Anh T1 có đăng ký thường trú và sống cạnh liền kề nhà với anh và ở xóm CH, thôn LT, xã PS, T2 phố Hà Nội. Anh nhận trách nhiệm giao lại các văn bản tố tụng của tòa án cho anh T1 ngay trong ngày. Anh xin vắng mặt các buổi làm việc khác của tòa án, xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án vì việc này không liên quan đến anh.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã PS, Công an xã PS thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 tự nguyện kết hôn với anh Lê Mỹ T1, sinh năm 1978 tại UBND xã BX, huyện MD (nay là xã PS) ngày 25/9/2009; Sau khi kết hôn chị T chuyển hộ khẩu và chuyển về sinh sống tại nhà anh T1 ở xóm CH, thôn LT, xã PS, T2 phố Hà Nội. Mâu thuẫn vợ chồng chị T anh T1 cụ thể như nào chính quyền địa phương không nắm được; chỉ biết khoảng 2 năm nay chị T không còn sinh sống ở nhà anh T1 nữa. Chị T anh T1 có 02 con chung: Lê Mỹ T2, sinh ngày 05/8/2010 và Lê Minh Ng, sinh ngày 03/5/2019. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T1, quan điểm chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nơi cư trú của anh T1: anh T1 có đăng ký thường trú tại xóm CH, thôn LT, xã PS, T2 phố Hà Nội. Bố mẹ anh T1 đều đã chết. Anh T1 ở nhà liền kề với nhà anh trai là Lê Mỹ T2, sinh năm 1977. Anh T1 làm nghề lao động tự do.

** Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1; giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T cho đến khi có sự thay đổi mới hoặc có đề nghi khác; chị T nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị T làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, anh Lê Mỹ T1 là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: thôn LT, xã PS, TP. Hà Nội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T1 đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do; chị T xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Lê Mỹ T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BX, huyện MD (nay là xã PS) ngày 25/9/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh T1 là người nghiện ma tuý, đã từng có tiền án về tội ma tuý, đi chấp hành án về nhưng vẫn không tu chí làm ăn, ham chơi bời, tụ tập bạn bè, không quan tâm gì đến vợ con và gia đình. Chị nghĩ vì thương con nên cố gắng nhẫn nhịn và cùng người thân của anh T1 khuyên nhủ giúp anh T1 cai nghiện được ma tuý nhưng không được. Có thời gian anh trai anh T1 và anh phải nhốt anh T1 trong nhà để cai nghiện ma tuý nhưng không T2. Do anh T1 không đỡ đần anh việc gì, mọi việc trong gia đình đều do một mình chị cáng đáng, bố mẹ chồng chị thì đã chết từ năm 2016 nên để có tiền nuôi con ăn học chị đành phải gửi con nhỏ ở nhờ ông bà ngoại chăm sóc giúp, gửi con lớn ở nhà anh trai anh T1 nhờ chăm sóc giúp, còn chị đi làm xa gửi tiền về, thỉnh thoảng về thăm con; anh T1 cũng đi suốt ngày, không quan tâm gì đến con. Anh chị đã sống

ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị T cương quyết xin được ly hôn với anh T1; anh T1 không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T1 và chị T là căng thẳng, có thời gian sống ly thân, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh T1 và chị T có 02 con chung là Lê Mỹ T2, sinh ngày 05/8/2010 và Lê Minh Ng, sinh ngày 03/5/2019. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung; anh T1 không đến Toà án trình bày quan điểm. anh Tân là anh trai anh T1 cũng có quan điểm giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng là tốt nhất, nếu chị T gửi con lớn ở nhà anh, anh vẫn nhất trí. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý, môi trường sống của con chung được ổn định, theo nguyện vọng của đương sự và thực tiễn cuộc sống, HĐXX giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T1 cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; anh T1 không đến Tòa án trình bày quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Mỹ T1.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Lê Mỹ T1 có 02 con chung là: Lê Mỹ T2, sinh ngày 05/8/2010 và Lê Minh Ng, sinh ngày 03/5/2019. Sau ly hôn,

giao cả hai con chung cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T1 cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác. Sau ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h- ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con thì ng- ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng- ời đó.Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các T2 viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010623 ngày 08 tháng 10 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

T2 viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ